TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **198**/2023/HS-ST
Ngày: 18-9-2023.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang
Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2023/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ NGUYỄN ÁI QUỐC (Quốc đen), sinh ngày 13/3/1995 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 7/12
Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Thiên chúa Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Nguyễn Thái S và bà Lê Thị Huyền L.
Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.
Chưa có vợ, con.
Tiền án, tiền sự: Không
Nhân thân:
- Ngày 28/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù giam về tội "Giao cấu với trẻ em" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2018/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/9/2018; đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 04/01/2018.
Bị cáo đầu thú ngày 05/5/2023. (Có mặt)

2/ NGUYỄN MINH THIỆN, sinh ngày 04/7/1981 tại tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 11/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Thiên chúa Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Nguyễn H và bà Lâm Thị T.

Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ là Nguyễn Kim C, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 11/3/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2008/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/8/2009; đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/7/2009.

- Ngày 29/11/2010, bị UBND huyện T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 3390/QĐ-UBND. Chấp hành xong ngày 01/12/2012.

Bị bắt giam giữ ngày 06/5/2023. (Có mặt)

**** Bị hại:*** **Cháu Bùi Đăng K, sinh ngày 24/01/2014**

Người đại diện hợp pháp của cháu K: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Đinh Văn H2, sinh năm 1986

3. Bà Lê Thị Ánh T1, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ái Q, Nguyễn Minh T2 và Tăng Thanh S1 là các đối tượng sử dụng ma túy và có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 26/4/2023, Q, T2 và S1 cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy

tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. T2 điều khiển xe mô tô biển số 60B8-987.28 đi đến nhà Q tại ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai đón Q rồi cả hai cùng đi đến ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để đón S1. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô chở Q và S1 đi trên các tuyến đường thuộc xã T, huyện T tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi đi đến đoạn đường gần nghĩa địa A thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì S1 thấy trong một nhà dân có treo lồng chim chào mào nên cả ba cùng thống nhất quay lại để lấy trộm. Lúc này do sợ đi trộm cắp ba người trên một xe mô tô khi bị phát hiện thì khó bỏ chạy thoát nên T2 đứng đợi ở đầu đường để S1 điều khiển xe mô tô chở Q quay lại lấy trộm lồng chim, khi quay lại thì phát hiện trong nhà có người nên S1 điều khiển xe mô tô chở Q bỏ đi. Khi đi đến căn nhà số E đường D thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì Q phát hiện thấy cháu Bùi Đăng K đang ngồi xem điện thoại trước hiên nhà thì cả hai cùng thống nhất cướp giật chiếc điện thoại của cháu K. Q điều khiển xe mô tô chở S1 quay lại đi sát cửa nhà và chờ sẵn, S1 xuống xe và chạy vào giật điện thoại di động hiệu Sam sung A11 màu xanh của cháu K rồi nhanh chóng chạy ra xe mô tô của Quốc đợi sẵn, Q tăng ga bỏ chạy về hướng nghĩa địa A, huyện T để đón T2 rồi cả ba đi về hướng xã H, huyện T. Trên đường đi S1 lấy điện thoại cướp giật được và nói cho T2 biết vừa giật được thì T2 nói có quen tiệm điệm thoại "AT" thuộc ấp H, xã H, huyện T nên nói S1 và Q đi đến đó để cầm. Khi đến tiệm điện thoại "AT" do anh Đinh Văn H2 làm chủ thì T2 cầm điện thoại di động hiệu Sam sung A11 màu xanh đi vào tiệm gặp chị Lê Thị Ánh T1 cầm được số tiền 800.000 đồng. T2 chia cho Q 200.000 đồng, T2 và S1 nạp tiền game 400.000 đồng, số tiền 200.000 đồng còn lại S1 mua ma túy về cho cả ba cùng sử dụng tại khu vực chuồng gà nhà T2. Ngày 05/5/2023, Nguyễn Ái Q đến Công an xã T, huyện T đầu thú. Ngày 06/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Minh T2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2023 của Hội đồng giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A11 màu xanh đã qua sử dụng có trị giá là 5.200.000 đồng.

Ngày 12/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Ái Q, Tăng Thanh S1 và Nguyễn Minh T2 về các tội "Cướp giật tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" để điều tra. Quá trình điều tra các bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 204/CT-VKS-HS ngày 17/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Ái Q về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Minh T2 về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử bị cáo Nguyễn Ái Q mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự. Xử bị cáo Nguyễn Minh T2 mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù;

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbale biển số 60B8-987.27 là tài sản của ông Nguyễn H (là bố của bị cáo T2), việc bị cáo T2 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội ông H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe cho ông H;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A11 màu xanh trả lại cho ông Nguyễn Thanh H1 (là người đại diện của cháu K);

+ Đối với 01 giấy biên nhận sửa chữa ngày 26/4/2023 và 01 USB do ông Nguyễn Thanh H1 cung cấp có chứa hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xảy ra ngày 26/4/2023 được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Ông Nguyễn Thanh H1 và ông Đinh Văn H2, bà Lê Thị Ánh T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

- *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Nguyễn Ái Q, Nguyễn Minh T2 đều là những đối tượng sử dụng ma túy và không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 26/4/2023, các bị cáo và Tăng Thanh S1 đã rủ nhau đi tìm tài sản sơ hở của người dân để trộm cắp. Khi đi đến căn nhà số E đường D thuộc ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện cháu Bùi Đăng K đang ngồi xem điện thoại trước hiên nhà thì Q và S1 cùng thống nhất cướp giật chiếc điện thoại. Q điều khiển xe mô tô biển số 60B8-987.28 chở S1, S1 xuống xe và chạy vào giật điện thoại di động hiệu Sam sung A11 màu xanh của cháu K rồi nhanh chóng cả hai bỏ chạy về hướng nghĩa địa A để đón T2. T2 biết điện thoại hiệu Sam sung A11 màu xanh do Q, S1 phạm tội mà có và đã mang đến tiệm điệm thoại "AT" thuộc ấp H, xã H, huyện T cầm được số tiền 800.000 đồng, chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng chung. Trị giá điện thoại di động hiệu Sam sung A11 là 5.200.000đ. Do đó, bị cáo Nguyễn Ái Q đã phạm vào tội "*Cướp giật tài sản*" với tình tiết định khung "*Phạm tội với trẻ em*" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Nguyễn Minh T2 đã phạm vào tội "*Tiêu*

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Q, T2 đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, trật tự an toàn xã hội, gây mất trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là những thanh niên đã trưởng thành nhưng lại lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên đã bất chấp các quy định trừng phạt của pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong khi bản thân các bị cáo đã từng bị xét xử, phải đi chấp hành hình phạt tù, đi cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn tiếp tục phạm tội khi tái hoà nhập cộng đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng đối với bị cáo Q đã ra đầu thú tại Cơ quan Công an nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

[5.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbale biển số 60B8-987.27 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn H (là bố của bị cáo T2), việc bị cáo T2 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội ông H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe cho ông H là phù hợp;

[5.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam sung A11, màu xanh đã trả lại cho ông Nguyễn Thanh H1 nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

[5.3] Đối với 01 giấy biên nhận sửa chữa ngày 26/4/2023 và 01 USB do ông Nguyễn Thanh H1 cung cấp có chứa file ghi nhận hình ảnh Q và S1 thực hiện hành vi phạm tội được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Người đại diện theo pháp luật của cháu K - ông Nguyễn Thanh H1 đã nhận lại điện thoại, không có yêu cầu gì khác về phần dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đinh Văn H2, bà Lê Thị Ánh T1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 800.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Tăng Thanh S1 hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[8.2] Đối với ông Đinh Văn H2 và bà Lê Thị Ánh T1, do không biết điện thoại di động hiệu Sam sung A11, màu xanh là do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý là đúng quy định pháp luật.

[8.3] Đối với hành vi của các bị cáo sử dụng số tiền 200.000 đồng do phạm tội mà có, mua ma túy về và cùng sử dụng chung tại nhà của bị cáo T2 thuộc ấp H, xã H, huyện T. Quá trình điều tra chưa làm việc được với Tăng Thanh S1 (là người trực tiếp đi mua ma túy) nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T quyết định tách ra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ái Q phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ái Q 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T2 phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T2 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2023.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Nguyễn Ái Q và Nguyễn Minh T2, mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người đại diện theo pháp luật của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND t. Đồng Nai;
- Công an h.Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ - CA h. Trảng Bom;
- Trại giam B5 – CA t.Đồng Nai;
- CC.THADS h.Trảng Bom;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- UBND xã (phường) nơi các b/c cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thùy Dung